

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2009

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 33/2009/QĐ-TTg
ngày 02/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế,
chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu**

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 33/2009/QĐ-TTg ngày 02/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 33/2009/QĐ-TTg ngày 02/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu (sau đây gọi là Quyết định số 33/2009/QĐ-TTg) như sau:

Điều 1. Danh mục hàng hóa kiểm tra trước khi hoàn thuế giá trị gia tăng

1. Danh mục hàng hóa kiểm tra trước khi hoàn thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ từ các khu chức năng khác trong khu kinh tế cửa khẩu và hàng hóa, dịch vụ từ nội địa Việt Nam đưa vào khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng là 0% được liệt kê tại Phụ lục I Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh có khu kinh tế cửa khẩu và khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu (sau đây gọi là khu kinh tế cửa khẩu) thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định số 33/2009/QĐ-TTg có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo tổ chức, thực hiện quản lý, hoàn thuế giá trị gia tăng các mặt hàng trong Danh mục quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định của pháp luật về thuế.

b) Đề nghị bằng văn bản về Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hoá từ nội địa đưa vào tiêu thụ trong khu kinh tế cửa khẩu thực hiện

kiểm tra trước khi hoàn thuế giá trị gia tăng quy định tại khoản 1 Điều này cho phù hợp với thực tế tại khu kinh tế cửa khẩu.

Điều 2. Thu các khoản phí, lệ phí

1. Các công việc, dịch vụ có thu phí, lệ phí mà Ban Quản lý khu kinh tế cửa khẩu được uỷ quyền thực hiện: Ban Quản lý khu kinh tế cửa khẩu thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phí, lệ phí thu được theo quy định tại văn bản do cơ quan có thẩm quyền quy định đối với từng khoản phí, lệ phí đó.

2. Các công việc, dịch vụ được uỷ quyền thực hiện có thu phí, lệ phí nằm trong Danh mục chi tiết phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí nhưng chưa có văn bản hướng dẫn hoặc đã có văn bản hướng dẫn nhưng không phù hợp với điều kiện thực tế tại khu kinh tế cửa khẩu thì Ban Quản lý khu kinh tế cửa khẩu xây dựng đề án thu (bao gồm cả mức thu và nội dung quản lý, sử dụng tiền phí, lệ phí thu được theo nội dung hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí) gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, ban hành thực hiện.

Điều 3. Thu tiền sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội, phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ và tiện ích công cộng khác trong khu kinh tế cửa khẩu

1. Tiền sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội và phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ và tiện ích công cộng khác trong khu kinh tế cửa khẩu là khoản thu nhằm bù đắp chi phí duy tu, bảo dưỡng, duy trì điều kiện phục vụ hoặc tái tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội, công trình dịch vụ và tiện ích công cộng đó.

2. Các nhà đầu tư có dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong khu kinh tế cửa khẩu và có sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội, công trình dịch vụ và tiện ích công cộng khác trong khu kinh tế cửa khẩu là đối tượng nộp tiền sử dụng hạ tầng kỹ thuật - xã hội và phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ và tiện ích công cộng khác trong khu kinh tế cửa khẩu.

3. Mức thu tiền sử dụng hạ tầng kỹ thuật - xã hội và phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ và tiện ích công cộng khác trong khu kinh tế cửa khẩu được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên một trong các chỉ tiêu sau:

- a) Tổng doanh thu xuất khẩu;
- b) Tổng doanh thu hoạt động sản xuất, dịch vụ;

c) Tổng số tiền thuê lại đất đã có cơ sở hạ tầng.

4. Mức thu tiền sử dụng hạ tầng kỹ thuật - xã hội và phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ và tiện ích công cộng khác trong khu kinh tế cửa khẩu quy định tại khoản 3 Điều này do:

a) Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật – xã hội thuộc khu kinh tế cửa khẩu quyết định đối với các công trình do mình đầu tư xây dựng;

b) Ban Quản lý khu kinh tế cửa khẩu quyết định đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật – xã hội chung trong khu kinh tế cửa khẩu không do doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật – xã hội đầu tư xây dựng.

5. Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật – xã hội thuộc khu kinh tế cửa khẩu được thu tiền sử dụng hạ tầng và phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng khác đối với các công trình do mình đầu tư xây dựng để bù đắp chi phí duy tu, bảo dưỡng, duy trì điều kiện phục vụ và tái tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội, công trình dịch vụ và tiện ích công cộng đó. Ban Quản lý khu kinh tế cửa khẩu thu tiền sử dụng hạ tầng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật – xã hội chung trong khu kinh tế cửa khẩu (không do doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật – xã hội đầu tư xây dựng) để bù đắp chi phí duy tu, bảo dưỡng, duy trì điều kiện phục vụ của các công trình hạ tầng kỹ thuật – xã hội này.

6. Đơn vị thu tiền sử dụng hạ tầng kỹ thuật - xã hội và phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ và tiện ích công cộng khác trong khu kinh tế cửa khẩu được quản lý, sử dụng toàn bộ số tiền thu được để bù đắp chi phí theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều này và thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật. Khi thu tiền sử dụng hạ tầng kỹ thuật - xã hội và phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng khác, doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật – xã hội và Ban Quản lý khu kinh tế phải lập và giao hoá đơn cho người nộp; thực hiện hạch toán riêng và quản lý, sử dụng toàn bộ số tiền thu được theo quy định của pháp luật. Hoá đơn thu tiền sử dụng hạ tầng và phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng khác do doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật – xã hội và Ban Quản lý khu kinh tế cấp cho người nộp là chứng từ hợp lệ, được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh và được khấu trừ thuế giá trị gia tăng khi xác định nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.
2. Các chính sách tài chính không nêu tại Thông tư này được thực hiện

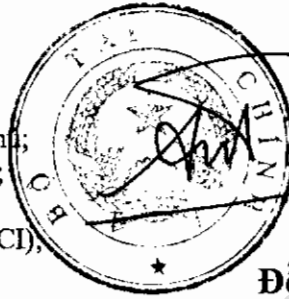
theo các văn bản hướng dẫn hiện hành trong từng lĩnh vực (Danh mục các văn bản hướng dẫn về chính sách thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất liên quan đến việc triển khai thực hiện Quyết định số 33/2009/QĐ-TTg - Phụ lục II).

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị của các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ Trung ương về phòng, chống tham nhũng;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI);
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Website Chính phủ; Website Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (PXNK).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn



Phụ lục I

Danh mục hàng hóa kiểm tra trước khi hoàn thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ từ các khu chức năng khác trong khu kinh tế cửa khẩu và hàng hóa, dịch vụ từ nội địa Việt Nam đưa vào khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng là 0%
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 137/2009/TT-BTC ngày 03 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài chính)

TT	Tên hàng hoá, dịch vụ
1	Bia các loại
2	Nước giải khát, rượu và thức uống có cồn
3	Thuốc lá điếu
4	Xe gắn máy
5	Xà phòng, dầu gội đầu, dầu tắm, kem đánh răng
6	Sữa các loại, bột dinh dưỡng, dầu ăn các loại
7	Mỳ, miến, cháo, phở ăn liền
8	Bánh kẹo các loại
9	Điện thoại di động, thẻ cào điện thoại di động
10	Gaz sử dụng cho các loại thiết bị lạnh

Phụ lục II

Danh mục các văn bản hướng dẫn về chính sách thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất liên quan đến việc triển khai thực hiện Quyết định số 33/2009/QĐ-TTg

(Ban hành kèm theo Thông tư số 137/2009/TT-BTC ngày 03 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài chính)



TT	Văn bản hướng dẫn
I	Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp
	Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp
II	Ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân
	Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành khoản 5 Điều 16 Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.
III	Ưu đãi về thuế giá trị gia tăng
	Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng và hướng dẫn thi hành Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.
IV	Ưu đãi về thuế tiêu thụ đặc biệt
	Thông tư số 64/2009/TT-BTC ngày 27/3/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 26/2009/NĐ-CP ngày 16/3/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.
V	Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu
	Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20/4/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu (thay thế Thông tư số 112/2005/TT-BTC ngày 15/12/2005 hướng dẫn về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, Thông tư số 114/2005/TT-BTC ngày 15/12/2005 hướng dẫn về kiểm tra sau thông quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, Thông tư số 59/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 hướng dẫn thi hành thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, Thông tư số 05/2009/TT-

TT	Văn bản hướng dẫn
	BTC ngày 13/01/2009 hướng dẫn một số nội dung về thủ tục hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ).
VI	Ưu đãi về tiền thuê đất, thuê mặt nước
1	Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.
2	Thông tư số 141/2007/TT-BTC ngày 30/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.
VII	Ưu đãi về thu tiền sử dụng đất
	Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất.
VIII	Về chính sách phí, lệ phí
1	Về phí thẩm định đầu tư và lệ phí cấp giấy đăng ký kinh doanh, phí cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh
a)	Thông tư số 109/2000/TT-BTC ngày 13/11/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và sử dụng lệ phí thẩm định đầu tư
b)	Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (thực hiện theo quy định tại điểm b.6, khoản 4, mục III, hướng dẫn về lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh)
2	Về phí, lệ phí liên quan đến cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung và gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức và thương nhân nước ngoài
a)	Thông tư số 73/1999/TT-BTC ngày 14/6/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu lệ phí cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện thường trú của tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam
b)	Thông tư số 111/2000/TT-BTC ngày 21/11/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng tiền thu lệ phí hạn ngạch về xuất khẩu hàng dệt, may vào thị trường có hạn ngạch EU và Canada; Lệ phí cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện thường trú của các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam.
3	Về phí, lệ phí liên quan đến cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao

TT	Văn bản hướng dẫn
	động cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc trong khu kinh tế cửa khẩu
	Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (thực hiện theo quy định tại điểm b.2, khoản 4, mục III về lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam, bao gồm cả việc cấp mới, cấp lại và gia hạn giấy phép lao động).
4	Phí, lệ phí liên quan đến cấp các loại giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa
	Thông tư số 37/2009/TT-BTC ngày 26/02/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc không thu phí chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) kể từ ngày 01/3/2009.
5	Phí, lệ phí liên quan đến xác nhận hợp đồng, văn bản về bất động sản
a)	Thông tư liên tịch số 91/2008/TT-BTC ngày 17/10/2008 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí công chứng.
b)	Thông tư liên tịch số 92/2008/TT-BTC ngày 17/10/2008 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực.
6	Phí, lệ phí liên quan đến thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
	Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (thực hiện theo quy định tại điểm a.15, khoản 4, mục III về phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường)